



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN  
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON**

**AISC**

# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-04
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05-07
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	08-11
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	12
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	13-14
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	15-42

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và Công ty con.

### I. Thông tin chung về công ty:

**Thành lập:** Công ty Cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trước đây là Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303154993, thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 03 năm 2013 công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Đầu tư xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí. Cung cấp vật tư thiết bị, máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Đại lý khai thác, dịch vụ và hoa tiêu hàng hải Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển. Môi giới hàng hải. Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển. Sang chiết gas. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi. Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhịp điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt. Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh). Phá dỡ tàu cũ. Mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hoá. Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).

Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ rừng trồng; Khai thác lâm sản từ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác và thu gom than cứng – than non; Khai thác quặng sắt, quặng uranium, quặng thorium, quặng bô – xít, quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng chất và phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm bằng tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy; giấy và bìa; Sản xuất giấy nhân, bìa nhân, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;

Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện vận tải); Thoát nước và xử lý nước thải; Tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mã chứng khoán: VSP.**

**Trụ sở chính:** 17-19 Đường Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP. HCM.

**Đặc điểm hoạt động của các Công ty con trong năm tài chính:**

**Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí Việt Hải:** là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

**Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt:** là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sơ kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, biển, đường, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ ).

Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty khóa mã số thuế và sáp nhập công ty con Vận tải biển Nam Việt về công ty Mẹ từ ngày 07 tháng 03 năm 2012 theo Giấy xác nhận số 1460/CT-TTDL của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

**Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.:** là công ty với 70% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Vốn góp theo giấy phép đăng ký là: 500.000,00 SGD

Trong đó, công ty Cổ Phần VTB và BDS Việt Hải đăng ký góp 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ 70% trên vốn đăng ký

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

**Công ty TNHH Đầu tư Mê Linh Xanh** (Tên nước ngoài: BLUE ME LINH INVESTMENT COMPANY): Tỷ lệ phần sở hữu 100%, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0105686379 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2011. Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Duy Hùng, chức danh : Giám đốc.

Đến ngày 31/12/2012, Công ty Mê Linh Xanh mới bắt đầu đi vào hoạt động và Công ty Việt Hải vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Mê Linh Xanh, do vậy báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mê Linh Xanh.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động hợp nhất trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

**3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 08 năm 2012
Ông Nguyễn Duy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 08 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Hải Tạo	Thành viên	
Ông Hoàng Đình Tâm	Thành viên	
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên	

### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Đạt	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên
Bà Đàm Tuệ Minh	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 13/03/2012
Ông Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 13/03/2012
		Miễn nhiệm ngày 10/08/2012
Ông Ngô Thành Chung	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2012
		Miễn nhiệm ngày 01/02/2013
Ông Lê Thành Hiệp	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2013
Ông Lê Thành Hiệp	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2013
Ông Ngô Thành Chung	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2013
Ông Bùi Thạch Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2012
Ông Bùi Văn Viện	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2012
Bà Đinh Thị Hằng Nga	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Hoàng Đại Hiệp	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 10/10/2012
Ông Nguyễn Hải Chiến	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2012
Bà Nguyễn Thị Hải Tạo	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 12/11/2012
Bà Ma Thị Thu		Bổ nhiệm ngày 12/11/2012

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Thành Hiệp - Tổng Giám đốc Công ty.

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

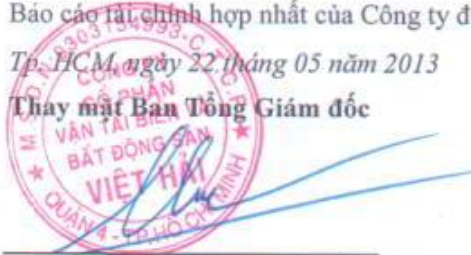
### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 22 tháng 05 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

  
Lê Thành Hiệp  
Tổng Giám Đốc



**Số: 07.12.462/AISC-DN1-HN BẢO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ  
CÔNG TY CON**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải và công ty con, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty con là Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd. được thành lập tại Singapore, được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, là các báo cáo chưa được kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của các báo cáo tài chính của Công ty con này đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, sổ sách kế toán của Công ty Việt Hải và Công ty con Trust Maritime Services Pte Ltd. phản ánh khoản công nợ phải thu phải trả nội bộ không khớp đúng, và chênh lệch này vẫn chưa được Công ty giải trình. Do đó, các khoản công nợ nội bộ này chưa được Công ty loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản công nợ này, cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản phải thu khách hàng với số tiền là 28.006.804.679 VNĐ, trả trước cho người bán số tiền là 244.326.945.315 VNĐ, phải thu khác với số tiền là 19.154.053.261 VNĐ, người mua trả tiền trước với số tiền là 3.718.188.095 VNĐ, phải trả người bán số tiền là 90.973.385.673 VNĐ, phải trả ngắn hạn khác số tiền là 4.275.690.076 VNĐ; nhận ký quỹ bỏ bình gas số tiền 2.502.492.436 VNĐ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

- Chúng tôi không thể gửi thư xác nhận đối với các khoản nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas tại Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải (Công ty con) được thuyết minh tại mục V.17 với giá trị là 11.513.027.658 VNĐ do Công ty con không theo dõi chi tiết đối tượng công nợ; với những hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi không thể kiểm tra được tính hiện hữu và chính xác của các khoản công nợ này.

- Đối với khoản mục Chi phí chờ phân bổ dài hạn của Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải (Công ty con) được thuyết minh tại mục V.10 là vỏ bình gas với giá trị là 42.716.306.222 VNĐ, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, đơn vị không tiến hành kiểm kê số lượng vỏ bình gas tại chi nhánh, các cửa hàng, đại lý bán hàng trực thuộc; với những hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến đánh giá về tính hiện hữu và chính xác giá trị của các khoản chi phí chờ phân bổ vỏ bình gas này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải (Công ty con), số dự phòng ước tính là 5.410.556.693 VNĐ, tương ứng tổng số dư phải thu khách hàng là 27.776.587.626 VNĐ được thuyết minh tại mục V.2.1. Nếu khoản dự phòng trên được trích lập, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, số liệu kiểm kê hàng tồn kho là van gas thực tế tại Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải (Công ty con) còn tồn số lượng là 4.372 van, chênh lệch thiếu 4.674 van gas so với số liệu trên sổ sách kế toán là 9.046 van gas tương ứng giá trị là 219.435.576 VNĐ nhưng đơn vị chưa tiến hành xử lý; do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến đánh giá về tính hiện hữu và chính xác về giá trị của số dư hàng tồn kho là van gas này.

- Đối với Các khoản đầu tư dài hạn khác được thuyết minh tại mục V.9 với giá trị là 17.400.000.000 VNĐ: đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể tiến hành gửi thư xác nhận khoản đầu tư do không thể liên lạc với công ty Công ty CP Dịch Vụ Hàng Hải Việt Nam.

- Đối với khoản mục Trả trước cho người bán - MS 132 trên Bảng Cân đối kế toán thể hiện số tiền 434.560.871.905 VNĐ, trong đó khoản ứng trước tiền đóng tàu tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Cam Ranh là 149.141.244.648 VNĐ (tương ứng 7.160.612,86 USD), Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quốc: 66.520.390.496 VNĐ (tương ứng 3.193.270,00 USD), Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đóng tàu Bạch Đằng: 68.263.770.000 VNĐ ( tương ứng 3.277.500,00 USD) cùng với tổng số tiền 131.052.274.934 VNĐ do Công ty Việt Hải đã chỉ ra để thực hiện dự án được phản ánh trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh tại mục V. 8) đã được đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất với số tiền 123.493.304.023 VNĐ. Đến thời điểm hiện tại, với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở để có thể kiểm tra sự phù hợp của việc trích lập dự phòng tổn thất nêu trên.

- Trong năm 2011 và 2012, Công ty Việt Hải đã nhận khoản tiền đặt cọc 30 tỷ đồng từ Công ty TNHH Thế Minh - theo Hợp đồng số 36/2011/HĐHT-ML (được thuyết minh tại mục V.14) để hợp tác đầu tư Dự án Đô thị và sân golf Mê Linh - Hà Nội bằng việc thành lập Công ty TNHH Mê Linh Xanh và công ty này sẽ là chủ đầu tư của dự án. Theo điều khoản của Hợp đồng: " Khi nhận được tiền đặt cọc từ Công ty Thế Minh, Công ty Việt Hải cam kết thực hiện các công việc đã thỏa thuận đảm bảo việc chuyển chủ đầu tư Dự án từ Công ty Việt Hải sang Công ty Mê Linh theo hình thức "mẹ" chuyển cho "con". Nếu Công ty Việt Hải vi phạm cam kết trên, Công ty Thế Minh và Công ty MHI có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Công ty Thế Minh được nhận lại tiền cọc và lãi suất mà Công ty Thế Minh đã phải huy động vốn để đặt cọc 30 tỷ đồng cho Công ty Việt Hải.". Tuy nhiên, ngày 23 tháng 11 năm 2012, Công ty Thế Minh đã gửi Công văn số 104/2012/CV đề nghị Công ty Việt Hải thông báo về việc thực hiện dự án vì cho rằng Công ty Việt Hải không thực hiện hợp đồng giữa các bên. Công ty Việt Hải chưa đưa ra các phương án giải quyết tiếp tục thực hiện hay hủy bỏ hợp đồng với Công ty Thế Minh và chưa phản ánh khoản lãi phải trả hoặc các khoản chi phí có thể phát sinh do các điều khoản của hợp đồng nêu trên.

- Đối với các dự án đang xây dựng cơ bản dở dang được thuyết minh tại mục V.8, tại thời điểm 31/12/2012, tổng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các dự án là 405.778.974.547 VNĐ, trong đó, chi phí đầu tư dự án Khu dịch vụ giải trí tổng hợp phục vụ KCN và Cảng Cái Lân đã ngưng thực hiện từ nhiều năm trước là 15.112.940.592 VNĐ, Công ty Việt Hải dự định thoái vốn, tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án nhằm có thể thu hồi một phần chi phí đầu tư. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa thể ước tính được giá trị sẽ thu hồi được khi chuyển nhượng dự án.



- Tài sản cố định vô hình là Thương hiệu Vinashin - thuyết minh tại mục V.7, được Công ty khấu hao trong vòng 20 năm theo Công văn 2349/BTC-TCĐN ngày 25/02/2010 của Bộ tài chính hướng dẫn thi điểm đối với Tập đoàn Vinashin về việc góp vốn sử dụng nhãn hiệu, tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay, thương hiệu Vinashin không còn là một thương hiệu có thể mang lại giá trị lợi ích trong tương lai cho Công ty. Theo ý kiến của chúng tôi, toàn bộ giá trị còn lại của Thương hiệu Vinashin 4.920.222.183 đồng cần được hạch toán vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong năm.

- Đối với khoản mục Phải trả người bán - MS 312 trên Bảng Cân đối kế toán thể hiện số tiền 80.072.007.004 VNĐ bao gồm:

+ Sổ sách kế toán Công ty Việt Hải phải trả cho Trust Maritime Services Pte Ltd. số tiền 23.124.496.265 VNĐ (tương ứng 1.110.260,05 USD), tuy nhiên, theo biên bản quyết toán số dư giữa Công ty Việt Hải và Trust ngày 28/01/2013, số còn phải trả của Công ty Việt Hải là 319.691,30 USD. Với những tài liệu hiện có tại công ty, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và giá trị của công nợ phải trả đối với Trust tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

+ Khoản phải trả người bán với số tiền 15.522.241.216 VNĐ là những số dư lâu năm chưa được xác nhận công nợ cũng như chưa có hướng giải quyết.

- Chúng tôi không thể gửi thư xác nhận đối với khoản vay dài hạn của Công ty Tài Chính Công Nghiệp Tàu Thủy - được thuyết minh tại mục V.15. Tuy nhiên, khi thực hiện đối chiếu số liệu với những tài liệu khác, phát sinh chênh lệch 98.262.799.799 VNĐ so với số liệu từ phía Công ty Tài Chính Công nghiệp Tàu Thủy, với những hạn chế từ phía công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính chính xác của công nợ này cũng nhưng không thể đạt được sự giải trình về khoản chênh lệch này từ công ty.

#### **Vấn đề khả năng hoạt động liên tục**

- Khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.036.769.400.147 VNĐ và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.857.392.432.256 VNĐ, làm cho nguồn vốn chủ sở hữu bị âm là 1.553.440.524.220 VNĐ, ngoài ra, tổng các khoản nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty là 2.474.433.596.250 VNĐ, vượt 1.553.029.506.049 VNĐ tổng tài sản của đơn vị, luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm liên tục qua các năm, Công ty không đạt được sự thỏa thuận bằng văn bản về việc gia hạn các khoản nợ vay ngắn và dài hạn từ các Ngân hàng, những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong điểm VIII.4 trong phần thuyết minh cho thấy tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Do đó, Công ty có thể không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty và các công ty con. Tuy nhiên, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá về tính khả thi của các phương án mà Ban Tổng Giám đốc đưa ra. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh cụ thể có thể phát sinh của các sự kiện không chắc chắn trọng yếu.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng từ các vấn đề nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực; chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



**Đặng Nguyễn Lý Hằng**  
Số Chứng chỉ KTV: 1169/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 05 năm 2013  
KT. Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
**Phạm Thị Hồng Uyên**  
Số Chứng chỉ KTV: 0794/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>417.731.248.776</b>	<b>604.162.710.406</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>68.218.364.282</b>	<b>6.525.573.455</b>
1. Tiền	111		67.718.364.282	6.525.573.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>315.587.141.017</b>	<b>510.736.885.706</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		33.384.752.527	56.456.653.455
2. Trả trước cho người bán	132		434.560.871.905	440.413.025.749
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.02</b>	17.504.142.825	13.867.206.503
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	<b>V.03</b>	(169.862.626.239)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>6.980.905.708</b>	<b>55.542.398.197</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.980.905.708	55.542.398.197
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.05</b>	<b>26.944.837.769</b>	<b>31.357.853.048</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		539.865.543	2.202.220.031
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.812.247.395	21.259.833.671
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.551.988.116	3.551.988.116
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.040.736.715	4.343.811.230

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>503.672.841.425</b>	<b>2.311.879.434.112</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>29.980.000</b>	<b>6.180.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	6.180.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		29.980.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>427.106.302.858</b>	<b>2.121.480.240.572</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.085.870.443	1.660.975.069.296
- Nguyên giá	222		19.595.740.568	2.381.394.062.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.509.870.125)	(720.418.992.973)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	4.967.986.062	5.493.363.848
- Nguyên giá	228		10.518.300.000	10.572.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.550.313.938)	(5.078.936.152)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	412.052.446.353	455.011.807.428
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>18.349.999.900</b>	<b>19.043.427.116</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		19.043.427.116	19.043.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(693.427.216)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>58.186.558.667</b>	<b>171.349.586.424</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	58.186.558.667	167.952.841.541
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	3.396.744.883
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>921.404.090.201</b>	<b>2.916.042.144.520</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.474.433.596.250</b>	<b>2.438.222.248.067</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>945.944.382.703</b>	<b>633.101.536.404</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	200.281.403.866	193.835.985.023
2. Phải trả cho người bán	312		131.775.392.833	150.387.937.896
3. Người mua trả tiền trước	313		16.550.403.301	23.121.887.559
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1.689.803.387	970.727.706
5. Phải trả người lao động	315		4.489.065.358	4.379.907.509
6. Chi phí phải trả	316	V.14	537.565.354.933	225.783.813.323
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	46.450.956.852	27.429.275.215
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.142.002.173	7.192.002.174
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.528.489.213.547</b>	<b>1.805.120.711.663</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	48.689.930.094	49.435.403.656
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	1.479.799.283.453	1.752.452.196.455
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	15.028.544
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	3.218.083.008
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>(1.553.440.524.220)</b>	<b>475.115.874.404</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>(1.553.440.524.220)</b>	<b>475.115.874.404</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	380.844.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.060.575.521)	(155.060.575.521)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.186.797.150	(7.061.141.702)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.857.392.432.256)	(820.588.094.780)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>411.018.172</b>	<b>2.704.022.047</b>
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			411.018.172	2.704.022.047
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>921.404.090.201</b>	<b>2.916.042.144.520</b>

Kế toán trưởng



Ma Thị Thu

Tp. HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2013



Lê Thành Hiệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 20	228.079.152.132	641.729.686.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 21	3.829.047.593	4.751.073.409
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 22	224.250.104.539	636.978.613.349
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 23	413.680.678.945	802.382.498.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(189.430.574.406)	(165.403.885.418)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	1.511.128.324	2.685.777.168
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	447.667.105.339	317.109.292.031
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		338.832.370.600	260.972.408.146
8. Chi phí bán hàng	24		22.632.683.832	20.858.877.772
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		214.772.421.714	47.340.061.613
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(872.991.656.967)	(548.026.339.666)
11. Thu nhập khác	31	VI.26	423.475.241.087	27.277.318.942
12. Chi phí khác	32	VI.27	1.585.134.781.213	12.575.496.105
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.161.659.540.126)	14.701.822.837
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.034.651.197.093)	(533.324.516.829)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	104.484.234
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.396.744.883	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.038.047.941.976)	(533.429.001.063)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(1.278.541.828)	1.084.797.669
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(2.036.769.400.147)	(534.513.798.732)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.28	(61.878)	(15.825)

Kế toán trưởng



Ma Thị Thu

Tp. HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2013



Lê Thành Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B03-DN /HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.034.651.197.093)	(533.324.516.829)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		98.672.314.817	165.959.309.917
- Các khoản dự phòng	03		170.556.053.455	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		321.336.612	25.510.535.651
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.623.733.200.446	(253.242.470)
- Chi phí lãi vay	06		338.832.370.600	260.972.408.146
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		197.464.078.837	(81.135.505.584)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(405.473.259.849)	142.714.148.871
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		48.561.492.488	(955.902.584)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		97.011.911.460	74.492.060.389
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		111.428.637.362	(57.707.448.674)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24.928.185.483)	(55.909.195.255)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(141.891.541)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.064.674.815</b>	<b>21.356.265.622</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.368.535.320)	(70.295.129.698)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		355.214.074.767	103.681.408.800
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	(7.600.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		(50.000.000.000)	56.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		190.070.723	253.242.470
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>303.835.610.170</b>	<b>82.039.521.572</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		82.455.492.940	165.302.847.840
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(348.662.987.099)	(267.246.331.104)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(266.207.494.159)</b>	<b>(101.943.483.264)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>61.692.790.827</b>	<b>1.452.303.931</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.525.573.455</b>	<b>5.073.269.524</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>68.218.364.282</b>	<b>6.525.573.455</b>

Kế toán trưởng



Ma Thị Thu

Tp. HCM, ngày 16 tháng 05 năm 2013



Tổng Giám đốc



Lê Thành Hiệp



## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Thành lập:** Công ty Cổ phần Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trước đây là Công ty CP Đầu tư & Vận tải dầu khí Vinashin hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303154993, thay đổi lần thứ 14 ngày 12 tháng 03 năm 2013 công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển và Bất Động Sản Việt Hải do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

2. **Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất.

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Đầu tư xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công nghiệp và dân dụng. Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí. Cung cấp vật tư thiết bị, máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Đại lý khai thác, dịch vụ và hoa tiêu hàng hải Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển. Môi giới hàng hải. Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển. Sang chiết gas. Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi. Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhịp điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt/ Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh). Phá dỡ tàu cũ. Mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở). Dịch vụ giao nhận hàng hoá. Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).

Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ rừng trồng; Khai thác lâm sản từ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác và thu gom than cứng – than non; Khai thác quặng sắt, quặng uranium, quặng thorium, quặng bô – xít, quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng chất và phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm bằng tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy; giấy và bìa; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;

Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện vận tải); Thoát nước và xử lý nước thải; Tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).

**5. Đặc điểm hoạt động của các Công ty con trong năm tài chính:**

**Tổng số các công ty con:** 04 công ty.

**Số lượng công ty được hợp nhất:** 03 công ty.

- 5.1. Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí Việt Hải: là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Vốn điều lệ của công ty: 20.000.000.000 VND

Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.000.000.000 VND

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

- 5.2. Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt: là công ty với 100% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, biển, đường, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo phương tiện vận tải ( trừ ôtô, mô tô, xe máy và xe có động cơ ).

Công ty khóa mã số thuế và sáp nhập công ty con Vận tải biển Nam Việt về công ty Mẹ từ ngày 07 tháng 03 năm 2012 theo Giấy xác nhận số 1460/CT-TTDL của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

- 5.3. Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.: là công ty với 70% vốn của công ty CP vận tải biển và bất động sản Việt Hải, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Vốn góp theo giấy phép đăng ký là: 500.000,00 SGD

Trong đó, công ty Cổ Phần VTB và BDS Việt Hải đăng ký góp 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ 70% trên vốn đăng ký

Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 450.000,00 SGD

Trong đó Công ty Cổ Phần VTB và BDS Việt Hải đã góp là 350.000,00 SGD, chiếm tỷ lệ là 77,78% trên vốn thực góp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

**Số lượng công ty không được hợp nhất:** 01 công ty.

- 5.4. Công ty TNHH Đầu tư Mê Linh Xanh (Tên nước ngoài: BLUE ME LINH INVESTMENT COMPANY): Tỷ lệ phần sở hữu 100%, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0105686379 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2011. Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Duy Hùng, chức danh : Giám đốc.

### **Lý do không hợp nhất:**

Đến ngày 31/12/2012, Công ty Mê Linh Xanh mới bắt đầu đi vào hoạt động và Công ty Việt Hải vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Mê Linh Xanh, do vậy báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mê Linh Xanh.

6. **Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2012:** 46 người.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất từ ngày Công ty không còn kiểm soát các công ty con này. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho chủ sở hữu không có quyền kiểm soát được thể hiện riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty mẹ và Công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con

+ Đối với kết quả kinh doanh của Công ty Vận Tải Biển Nam Việt: do công ty đã giải thể và khóa mã số thuế kể từ ngày 07/03/2012 nên kết quả kinh doanh hợp nhất chỉ phản ánh kết quả kinh doanh của Công ty Nam Việt từ ngày 01/01/2012 đến ngày 07/03/2012.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ Công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi theo nguyên tắc sau để hợp nhất vào báo cáo tài chính của công ty:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ.
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá bình quân;
- Chênh lệch hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài được ghi nhận vào Chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của công ty.

## 2. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Năm 2011, Công ty thực hiện quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp theo Thông tư 201, năm nay, Công ty lựa chọn việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10"). Đồng thời trong năm Công ty cũng áp dụng Thông tư 180 thay thế cho thông tư 82 về trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình là thương hiệu:*

Thương hiệu Vinashin được ghi nhận là TSCĐ vô hình, là giá trị do cổ đông Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam góp vốn theo thỏa thuận thành lập công ty. Thời gian khấu hao là 20 năm.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Thời gian khấu hao là 3 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>05 - 10 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 - 12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>07 - 15 năm</i>
<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>03 - 07 năm</i>
<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>03 năm</i>

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng các kho, đóng tàu, sửa chữa lớn.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:**

Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí bảo hiểm, bao bì luân chuyển và các chi phí liên quan khác ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 120 tháng.

**Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:** Lợi thế thương mại ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:**

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:**

Là các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con là Trust Maritime Services Pte Ltd. (Singapore) để hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- + Miễn thuế TNDN trong 2 năm (2007-2008)
- + Giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm (2009-2012)

**16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ:

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.828 VNĐ/USD.

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nghiệp vụ**

**Xử lý kế toán theo VAS 10**

**Xử lý kế toán theo Thông tư 179**

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ). Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ. Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trọng yếu ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của năm hiện hành.

**17. Công cụ tài chính:**

**Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư nắm giữ sẵn sàng để bán.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tiền</b>	<b>67.718.364.282</b>	<b>6.525.573.455</b>
Tiền mặt	803.577.255	2.591.809.925
Tiền gửi ngân hàng	66.914.787.027	3.933.763.530
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>68.218.364.282</b>	<b>6.525.573.455</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Phải thu khác</b>	<b>17.504.142.825</b>	<b>13.867.206.503</b>
<i>BHXX, BHYT</i>	363.937.463	-
<i>Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy (*)</i>	1.923.432.036	1.923.432.036
<i>Công ty cổ phần vận tải biển Đại Hải</i>	393.089.008	393.089.008
<i>Công ty CP vận tải biển và TM Long Sơn</i>	3.071.171.581	3.071.171.581
<i>Công ty TNHH Mê Linh Xanh</i>	7.404.800.000	-
<i>Khoản phải thu khác</i>	4.347.712.737	8.479.513.878
<b>Cộng</b>	<b>17.504.142.825</b>	<b>13.867.206.503</b>

(\*) Khoản tiền góp vốn còn phải thu của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tài Vĩnh Phúc.

**3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Dự phòng phải thu các công nợ đóng tàu</b>	<b>124.493.304.023</b>	<b>-</b>
Dự phòng phải thu công nợ khó đòi khác	45.369.322.216	-
<b>Cộng</b>	<b>169.862.626.239</b>	<b>-</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>-</b>	<b>47.475.478.165</b>
Công cụ, dụng cụ	331.067.981	543.160.237
Hàng hoá	6.649.837.727	7.523.759.795
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>6.980.905.708</b>	<b>55.542.398.197</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>6.980.905.708</b>	<b>55.542.398.197</b>	
* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không phát sinh.			
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Chi phí trả trước ngắn hạn	539.865.543	2.202.220.031	
Thuế GTGT còn được khấu trừ	19.812.247.395	21.259.833.671	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	3.551.988.116	3.551.988.116	
Thuế TNDN nộp thừa	3.551.988.116	3.551.988.116	
Tài sản ngắn hạn khác	3.040.736.715	4.343.811.230	
Tạm ứng	1.598.626.651	2.624.134.737	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.680.000	274.040.115	
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.392.430.064	1.392.430.064	
Tài sản ngắn hạn khác	-	53.206.314	
<b>Cộng</b>	<b>26.944.837.769</b>	<b>31.357.853.048</b>	
<b>6. Các khoản phải thu dài hạn nội bộ</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	6.180.000	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.180.000</b>	
7. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang số 39.			
8. Tài sản cố định vô hình			
	<b>Thương hiệu vinashin</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.000.000.000	572.300.000	10.572.300.000
Giảm trong năm	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối năm	10.000.000.000	518.300.000	10.518.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.579.777.815	499.158.337	5.078.936.152
Khấu hao trong năm	500.000.002	25.377.784	525.377.786
Giảm trong năm	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối năm	5.079.777.817	470.536.121	5.550.313.938
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.420.222.185	73.141.663	5.493.363.848
Số dư cuối năm	4.920.222.183	47.763.879	4.967.986.062

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012	01/01/2012
Tổng số chi phí XD CB dở dang	409.149.741.653	400.217.608.309
Trong đó:		
+ Dự án xây dựng khu đô thị golf Mê Linh - Vĩnh Phúc	105.955.954.051	105.868.020.833
+ Dự án Tổng kho Đình Vũ (1)	131.069.048.294	98.813.252.706
+ Dự án đóng tàu hàng rời 54.000 DWT (2)	89.879.049.865	95.730.588.172
+ Dự án đóng 2 tàu hàng rời 22.500 DWT (3)	41.173.225.069	61.673.127.423
+ Bồn LPG	-	9.916.440
+ Cụm công nghiệp Tàu thủy - Long An	12.933.725.252	12.924.347.934
+ Dự án Dock nổi Nha Trang	9.716.707.621	5.759.636.684
+ Dự án khu dịch vụ giải trí tổng hợp phục vụ KCN & cảng Cái Lân (4)	15.112.940.592	15.112.940.592
+ Dự án Khu đô thị Mê Linh	1.309.090.909	-
+ Dự án Khu đô thị Hoa Hồng Xanh	2.000.000.000	-
+ Dự án Nhà máy vỏ bình	1.574.839.754	1.134.930.597
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.902.704.700	3.190.846.928
Sửa chữa lớn TSCĐ	4.098.750	54.673.666.259
Mua sắm tài sản cố định	-	120.532.860
<b>Cộng</b>	<b>412.052.446.353</b>	<b>455.011.807.428</b>

(1) Hiện dự án Tổng kho Đình Vũ chưa có phương án đưa vào sử dụng, trong thời gian sắp tới, Công ty dự kiến sẽ cho thuê hoặc thanh lý nếu tìm được đối tác phù hợp.

(2) Các chi phí thực hiện dự án đóng tàu tại Công ty Cam Ranh.

(3) Các chi phí thực hiện dự án đóng tàu tại Công ty Dung Quốc.

(4) Dự án đang tìm đối tác để chuyển nhượng.

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>19.043.427.116</b>	<b>19.043.427.116</b>
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Nam Việt	17.400.000.000	17.400.000.000
+ Công ty điện mỏ Vinashin	643.427.116	643.427.116
+ Công ty Sao Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(693.427.216)	-
<b>Cộng</b>	<b>18.349.999.900</b>	<b>19.043.427.116</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>58.186.558.667</b>	<b>167.952.841.541</b>
Chi phí vỏ bình gas	57.450.655.301	66.666.160.122
Chi phí sơn lại vỏ bình	-	96.698.796

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí khác	735.903.366	101.189.982.623
<b>Cộng</b>	<b>58.186.558.667</b>	<b>167.952.841.541</b>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Vay ngân hàng	194.483.470.325	190.035.985.023
<i>Ngân hàng BIDV - CN Bắc Hà Nội</i>	<i>34.615.349.098</i>	<i>33.615.350.764</i>
<i>Ngân hàng BIDV Sở giao dịch II</i>	<i>112.623.663.238</i>	<i>108.276.176.270</i>
<i>Ngân hàng TM Quốc tế Việt Nam - Hội sở HN</i>	<i>47.244.457.989</i>	<i>47.244.457.989</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng</i>	-	<i>900.000.000</i>
Vay cá nhân	3.050.865.116	3.800.000.000
<i>Ông Nguyễn Duy Tín</i>	<i>1.620.660.601</i>	<i>3.800.000.000</i>
<i>Bà Trần Thị Thu Hà</i>	<i>950.204.515</i>	-
<i>Bà Lương Thị Hồng Thu</i>	<i>480.000.000</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.747.068.425	-
<i>Ngân hàng BIDV - CN Bắc Hà Nội</i>	<i>2.747.068.425</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>200.281.403.866</b>	<b>193.835.985.023</b>
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Thuế giá trị gia tăng	64.358.835	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	157.858.240
Thuế thu nhập cá nhân	1.625.444.552	812.869.466
<b>Cộng</b>	<b>1.689.803.387</b>	<b>970.727.706</b>
<b>14. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí lãi vay	534.752.308.311	225.009.674.573
Chi phí cho các tàu	2.813.046.622	774.138.750
<b>Cộng</b>	<b>537.565.354.933</b>	<b>225.783.813.323</b>
<b>15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Công đoàn Shinpetrol	1.648.658.044	1.621.859.577
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp	512.587.559	1.581.118.203
Trần Minh Quang	-	2.325.358.000
Công ty TNHH xây dựng Thế Minh	30.000.000.000	20.000.000.000
Nguyễn Anh Dũng	-	779.050.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải Nam Việt	10.725.109.158	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.564.602.091	1.121.889.435
<b>Cộng</b>	<b>46.450.956.852</b>	<b>27.429.275.215</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2012	01/01/2012
<b>16. Vay và nợ dài hạn</b>		
<i>Vay dài hạn</i>	<b>1.373.483.388.381</b>	<b>1.621.521.434.819</b>
Vay ngân hàng (*)	1.169.902.851.677	1.404.916.089.989
+ Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội	301.534.145.208	307.028.879.138
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch II	527.631.808.336	625.293.009.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	95.573.260.662	133.808.297.287
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Hải Phòng	245.163.637.471	145.833.338
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	-	338.640.071.226
Vay đối tượng khác (**)	203.580.536.704	216.605.344.830
+ Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy	203.580.536.704	216.605.344.830
<i>Nợ dài hạn</i>	<b>106.315.895.072</b>	<b>130.930.761.636</b>
+ Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy	106.315.895.072	130.930.761.636
<b>Cộng</b>	<b>1.479.799.283.453</b>	<b>1.752.452.196.455</b>

**Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng**

(\*): Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng để đầu tư tài sản cố định. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*): Khoản vay Công ty tài chính Công nghiệp tàu thủy từ nguồn vốn vay trái phiếu quốc tế theo lãi suất từng lần giải ngân.

	31/12/2012	01/01/2012
<b>17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>		
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	<b>3.396.744.883</b>
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	3.396.744.883
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>3.396.744.883</b>

	31/12/2012	01/01/2012
<b>18. Phải trả dài hạn</b>		
Công ty Tài Chính công nghiệp tàu thủy (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn (**)	18.689.930.094	5.728.902.436
Các đối tượng khác	-	13.706.501.220
<b>Cộng</b>	<b>48.689.930.094</b>	<b>49.435.403.656</b>

(\*) Khoản góp vốn của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 01/VNS-Shinpetrol-VFC ngày 16 tháng 08 năm 2004 giữa công ty với Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(\*\*) Chi tiết các khoản Nhận ký quỹ dài hạn bao gồm:

+ Khoản tiền đại lý ký quỹ vỏ bình gas	17.689.930.094
+ Các khoản khác	1.000.000.000
<b>+ Cộng</b>	<b>18.689.930.094</b>

## 19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang số 40.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	25,99%	98.977.510.000	98.977.510.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60,44%	230.180.520.000	230.180.520.000
Cổ phiếu quỹ	13,57%	51.686.860.000	51.686.860.000
<b>Cộng</b>		<b>380.844.890.000</b>	<b>380.844.890.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ

5.168.686 5.168.686

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Năm 2012

Năm 2011

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	380.844.890.000	380.844.890.000
Vốn góp đầu năm	380.844.890.000	380.844.890.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	380.844.890.000	380.844.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

31/12/2012

01/01/2012

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.084.489	38.084.489
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.084.489	38.084.489
Cổ phiếu thường	38.084.489	38.084.489
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.168.686	5.168.686
Cổ phiếu thường	5.168.686	5.168.686
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.915.803	32.915.803
Cổ phiếu thường	32.915.803	32.915.803
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá CP đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2012	01/01/2012
Quỹ đầu tư phát triển	31.380.796.407	31.380.796.407
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>31.380.796.407</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	167.653.732.007	253.452.970.914
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.425.420.125	292.059.883.463
Doanh thu bán tàu	-	90.635.880.000
Doanh thu khác	-	5.580.952.381
<b>Cộng</b>	<b>228.079.152.132</b>	<b>641.729.686.758</b>
21. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012	Năm 2011
Chiết khấu bán hàng	217.441.617	-
Hàng bán bị trả lại	3.611.605.976	4.751.073.409
<b>Cộng</b>	<b>3.829.047.593</b>	<b>4.751.073.409</b>
22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	163.824.684.414	248.701.897.505
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	60.425.420.125	292.059.883.463
Doanh thu thuần bán tàu	-	90.635.880.000
Doanh thu khác	-	5.580.952.381
<b>Cộng</b>	<b>224.250.104.539</b>	<b>636.978.613.349</b>
23. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã bán	157.268.938.356	245.539.692.128
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	256.411.740.589	480.767.167.581
Giá vốn bán tàu	-	70.789.060.277
Giá vốn khác	-	5.286.578.781
<b>Cộng</b>	<b>413.680.678.945</b>	<b>802.382.498.767</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2012	Năm 2011
<b>24. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.070.723	253.242.470
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.320.776.324	2.432.534.698
Doanh thu thu tài chính khác	281.277	-
<b>Cộng</b>	<b>1.511.128.324</b>	<b>2.685.777.168</b>
<b>25. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	338.832.370.600	260.972.408.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá	108.083.415.705	56.136.883.885
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	693.427.216	-
Chi phí tài chính khác	57.891.818	-
<b>Cộng</b>	<b>447.667.105.339</b>	<b>317.109.292.031</b>
<b>26. Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tàu	415.998.549.912	
Thu khác	7.476.691.175	27.277.318.942
<b>Cộng</b>	<b>423.475.241.087</b>	<b>27.277.318.942</b>
<b>27. Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tàu	1.570.961.193.918	
Chi khác	14.173.587.295	12.575.496.105
<b>Cộng</b>	<b>1.585.134.781.213</b>	<b>12.575.496.105</b>
<b>28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.036.769.400.147)	(534.513.798.732)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(2.036.769.400.147)	(534.513.798.732)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.915.803	33.777.251
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(61.878)</b>	<b>(15.825)</b>

**29. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản:

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
VND	+ 200	10.669.790.479
VND	- 200	(10.669.790.479)
Ngoại tệ (USD)	+ 50	5.426.382.306
Ngoại tệ (USD)	- 50	(5.426.382.306)
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
VND	+ 300	19.430.308.744
VND	- 300	(19.430.308.744)
Ngoại tệ (USD)	+ 100	12.974.600.926
Ngoại tệ (USD)	- 100	(12.974.600.926)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**29.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**29.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>31 tháng 12 năm 2012</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	200.281.403.866	1.479.799.283.453	1.680.080.687.319
Phải trả người bán	131.775.392.833	-	131.775.392.833
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	584.016.311.785	48.689.930.094	632.706.241.879
<b>Cộng</b>	<b>916.073.108.484</b>	<b>1.528.489.213.547</b>	<b>2.444.562.322.031</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	193.835.985.023	1.752.452.196.455	1.752.452.196.455
Phải trả người bán	150.387.937.896	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	253.213.088.538	49.435.403.656	49.435.403.656
<b>Cộng</b>	<b>597.437.011.457</b>	<b>1.801.887.600.111</b>	<b>1.801.887.600.111</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

30. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 41.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

31. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:

Công ty con có vốn đầu tư 100% từ công ty CP Đầu tư vận tải dầu khí Vinashin là công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt đã tiến hành thủ tục giải thể theo quyết định số 124/QĐ-Shinpetrol ngày 14/01/2010 của HĐQT. Trong kỳ, Công ty đã khóa mã số thuế và sáp nhập công ty con Vận tải biển Nam Việt về Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải trong quý 1 năm 2012 .

Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong Công ty Nam Việt được thanh lý: 7.491.343 VNĐ.

Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong Công ty Nam Việt được thanh lý trong kỳ:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn: 24.748.539.926 VNĐ.

+ Hàng tồn kho: 302.419.405 VNĐ.

+ Tài sản ngắn hạn khác: 379.738.971 VNĐ.

+ Tài sản dài hạn: 9.239.535 VNĐ.

+ Nợ phải trả: 462.531.413.153 VNĐ.

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
HDQT và Ban điều hành	Thù lao, lương và thưởng		2.250.031.529	
Công ty TNHH Mê Linh Xanh	Công ty liên quan	Tạm ứng tiền hoạt động	7.404.800.000	7.404.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: xem thuyết minh trang 42.

3. Thông tin khác

Công ty con có vốn đầu tư 100% từ công ty CP Đầu tư vận tải dầu khí Vinashin là công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt tiến hành thủ tục giải thể theo quyết định số 124/QĐ-Shinpetrol ngày 14/01/2010 của HĐQT. Trong kỳ, Công ty đã tiến hành thủ tục khóa mã số thuế và sáp nhập công ty con Vận tải biển Nam Việt về công ty Mẹ trong quý 1 năm 2012.

Khoản đầu tư vào Trust Maritime Services Pte Ltd dự kiến được thanh lý trong năm 2013.

4. Thông tin về hoạt động liên tục:

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
a. Khả năng thanh toán hiện hành	0,169	0,248
b. Khả năng thanh toán nhanh	0,341	0,034
	Năm 2012	Năm 2011
c. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	24.064.674.815	21.356.265.622

Các chỉ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh và luồng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 so với năm 2011 cho thấy tình hình hoạt động của Công ty vẫn chưa có chuyển biến tốt hơn (cả hai chỉ số đều nhỏ hơn 0,5) cho thấy công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc thanh toán trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

1. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2012 là rất thấp. Tuy nhiên Ban Tổng Giám Đốc đã có kế hoạch duy trì luồng tiền đầu tư nhờ vào việc áp dụng các biện pháp:

- Trong năm 2012, công ty đã gia hạn được thời hạn trả nợ vay cho các ngân hàng và công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy theo bảng theo dõi gia hạn nợ vay.

- Ngoài ra, để cắt giảm lỗ từ hoạt động kinh doanh tàu biển, Ban Tổng giám đốc đã bán các tàu, thực hiện phát triển kinh doanh gas, chuyển hướng kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Cụ thể như sau:

1. Dự án Khu đô thị Mê Linh – Hà Nội:

Dự kiến tháng 6/2013 quy hoạch phân khu 1/2000 khu N1 được phê duyệt với các tiêu chí quy hoạch phân đất dự án của VSPP đúng như mong muốn của VSPP.

Thành lập công ty con Mê Linh Xanh 100% vốn của Công ty VSP để thay mặt VSP phát triển dự án nhằm tạo thuận lợi khi làm việc với các cơ quan chức năng do VSP là công ty hoạt động đa ngành và đang nợ nhiều, không thuận lợi trong việc thúc đẩy triển khai dự án Mê Linh. Trong tháng 7/2013 hoàn tất thủ tục chuyển tên chủ đầu tư từ công ty mẹ VSPP sang công ty con 100% vốn của VSP.

Tháng 8/2013 sẽ trình HĐQT VSPP phương án chuyển nhượng một phần vốn của công ty con, tương ứng với tỷ lệ dự án muốn chuyển nhượng, đảm bảo đủ tài chính để trả các khoản vay của công ty.

Đơn giá chuyển nhượng dự kiến là 2.500.000đ/m<sup>2</sup>, trị giá toàn dự án là 2.500.000đ x 2.040.000m<sup>2</sup> = 5.100.000.000.000đ ( năm nghìn một trăm tỷ ). Dự kiến khoảng tháng 10-11/2013 có thể chuyển nhượng 36% tương ứng với 1.850.000.000.000đ ( một nghìn tám trăm năm mươi tỷ đồng )

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Dự án Cụm Công nghiệp và dịch vụ cảng biển tại Long An:**

Xin chuyển đổi mục đích đầu tư từ Cụm Công nghiệp và dịch vụ cảng biển thành khu nhà ở du lịch sinh thái và tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thoái vốn để thu lại tiền đã đầu tư vào dự án.

**3. Dự án khu giải trí dịch vụ tổng hợp tại Hà Khẩu – Quảng Ninh:**

Hoàn tất hồ sơ, thủ tục đề xin chủ trương UBND tỉnh chấp thuận chuyển đổi chủ đầu tư từ VSPP sang Công ty CP Thương mại dịch vụ Việt Hải với diện tích hơn 16ha.

Sau khi được UBND tỉnh Quảng Ninh cho chuyển dự án sang cty CP Thương mại dịch vụ Việt Hải, Ban TGD sẽ tìm đối tác chuyển nhượng quyền phát triển dự án và thu về số tiền đã đầu tư.

**4. Đối với kho LPG Đình Vũ**

Phối hợp với các đối tác, ngân hàng hoàn thiện kho LPG Đình Vũ đưa vào vận hành khai thác cho thuê hoặc chuyển nhượng

- Chi phí dự kiến:

Ø Chi phí để hoàn công khoảng 4.5 tỷ đồng. Do phát sinh hàng loạt các chi phí liên quan khác do việc thay đổi điều kiện kết cấu phù hợp với tiêu chuẩn phát sinh mới nhất. Tiêu chuẩn này đã bị thay đổi và bổ xung theo từng năm để phù hợp với điều kiện an toàn và phòng chống cháy nổ trong lĩnh vực kinh doanh gas bồn.

Ø Chi phí hoàn thành thủ tục giấy tờ để đưa kho vào sử dụng dự kiến khoảng 2 tỷ đồng. Đây là chi phí kiểm định, các loại giấy phép an toàn phòng chống cháy nổ, thuê chuyên gia quản lý giám sát quá trình thực hiện và chuyển giao, chi phí vận hành thử,...

Ø Dự kiến mức giá chuyển nhượng cho các đối tác khác sau khi đã hoàn công và có đầy đủ giấy phép sử dụng khai thác bồn chứa gas 5,300 m<sup>3</sup> cùng khu chiết nạp gas bình sẽ vào khoảng 45 tỷ đồng.

Ø Nếu không chuyển nhượng thì giá cho thuê tại thời điểm hiện tại sẽ được khoảng 10,000 USD/tháng.

**5. Đối với mảng kinh doanh Gas phía Nam và Công ty KD DK Việt Hải:**

- Chỉ tiêu sản lượng đến cuối năm 2013 (từ tháng 06 – 31/12/2013):

**a) Phòng kinh doanh gas phía Nam**

- Dự kiến sản lượng tiêu thụ: 250 tấn.

- Dự kiến doanh thu: 39.083.275.000 đ

- Dự kiến chi phí: 38.125.157.000 đ

- Dự kiến lợi nhuận trước thuế: 958.118.000 đ

**b) Công ty KD DVĐK Việt Hải**

- Dự kiến sản lượng tiêu thụ: 500 tấn.

- Dự kiến doanh thu: 77.000.000.000 đ

- Dự kiến chi phí: 75.530.546.000 đ

- Dự kiến lợi nhuận trước thuế: 1.469.454.000 đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ký kết hợp đồng mua bán dầu khí với nhà cung cấp nước ngoài để giảm giá vốn và ổn định, dự kiến đợt hàng đầu tiên sẽ về vào tháng 6 năm 2013, dự kiến tỷ lệ lãi khoảng 10.% có được từ hoạt động này.

Kế toán trưởng



Ma Thị Thu

Tp. HCM, ngày 16 tháng 05 năm 2013



Tổng Giám đốc



Lê Thành Hiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BÁT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	10.147.053.256	2.118.132.642	2.366.330.439.898	2.798.436.475	2.381.394.062.270
Mua trong năm	-	-	-	67.709.067	67.709.067
ĐT XDCB h.thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	67.294.294	67.294.294
Thanh lý, nhượng bán	-	(973.582.623)	(2.360.380.547.180)	(579.195.261)	(2.361.933.325.064)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.147.053.256	1.144.550.019	5.949.892.718	2.354.244.575	19.595.740.568
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.128.083.804	1.342.064.677	714.090.670.099	1.858.174.392	720.418.992.973
Khấu hao trong năm	1.117.117.260	258.519.097	96.275.286.410	496.014.265	98.146.937.032
Tặng khác	-	-	-	39.428.077	39.428.077
Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(920.605.001)	(807.627.914.720)	(546.968.235)	(809.095.487.956)
Số dư cuối năm	4.245.201.064	679.978.773	2.738.041.789	1.846.648.499	9.509.870.125
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	7.018.969.452	776.067.965	1.652.239.769.799	940.262.083	1.660.975.069.296
Số dư cuối năm	5.901.852.192	464.571.246	3.211.850.929	507.596.076	10.085.870.443

\* Giá trị còn lại của TSCDHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.859.605.136 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 541.085.673 VNĐ

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN VÀ BÁT ĐÔNG SẢN VIỆT HẢI VÀ CÔNG TY CON

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>222.972.196</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(285.912.364.687)</b>	<b>1.172.136.293.916</b>
- Lãi (lỗ) phát sinh trong năm trước	-	-	-	-	-	(534.513.798.730)	(534.513.798.730)
- Tăng trong năm trước	-	-	(155.060.575.521)	862.954.987	-	-	(154.197.620.534)
- Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi ngoại tệ	-	-	-	(58.650.723)	-	105.621.045	46.970.322
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	(8.088.418.162)	-	-	(8.088.418.162)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	272.647.592	272.647.592
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(540.200.000)	(540.200.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>(155.060.575.521)</b>	<b>(7.061.141.702)</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(820.588.094.780)</b>	<b>475.115.874.404</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>(155.060.575.521)</b>	<b>(7.061.141.702)</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(820.588.094.780)</b>	<b>475.115.874.404</b>
- Lãi (lỗ) phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	(2.036.769.400.147)	(2.036.769.400.147)
- Tăng khác	-	-	-	7.926.602.240	-	-	7.926.602.240
- Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi ngoại tệ	-	-	-	321.336.612	-	37.609.327	358.945.939
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(72.546.656)	(72.546.656)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>(155.060.575.521)</b>	<b>1.186.797.150</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(2.857.392.432.256)</b>	<b>(1.553.440.524.220)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**30. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	31/12/2012	Dự phòng	Giá trị	31/12/2011	Dự phòng	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Các khoản đầu tư nắm giữ sẵn sàng để bán	17.400.000.000	-	17.400.000.000	-	-	17.400.000.000
- Phải thu khách hàng	33.384.752.527	-	56.456.653.455	-	-	56.456.653.455
- Tiền và các khoản tương đương tiền	67.718.364.282	-	6.525.573.455	-	-	67.718.364.282
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.103.116.809</b>	<b>-</b>	<b>62.982.226.910</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>101.103.116.809</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	1.728.770.617.413	-	1.995.723.585.134	-	-	1.915.935.674.203
- Phải trả người bán	131.775.392.833	-	150.387.937.896	-	-	131.775.392.833
- Phải trả khác	30.000.000.000	-	1.403.720.806	-	-	30.000.000.000
- Nợ phải trả tài chính khác	48.689.930.094	-	49.435.403.656	-	-	48.689.930.094
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.939.235.940.340</b>	<b>-</b>	<b>2.196.950.647.492</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.126.400.997.130</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CHÍNH YẾU: THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<i>Chi tiêu</i>	<i><u>Kinh doanh và dịch vụ tàu biển</u></i>	<i><u>Kinh doanh gas</u></i>	<i><u>Tổng công toàn tập đoàn</u></i>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	60.425.420.125	167.653.732.007	228.079.152.132
2. Các khoản giảm trừ	-	3.829.047.593	3.829.047.593
3. Doanh thu thuần	60.425.420.125	163.824.684.414	224.250.104.539
4. Giá vốn hàng bán	256.411.740.589	157.268.938.356	413.680.678.945
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	(195.986.320.464)	6.555.746.058	(189.430.574.406)
6. Tài sản bộ phận	1.798.396.444.979	209.743.425.464	2.008.139.870.443
7. Tài sản không phân bổ			(1.086.735.780.242)
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>921.404.090.201</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	1.951.489.660.912	122.339.512.011	2.073.829.172.922
9. Nợ phải trả không phân bổ			400.604.423.327
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>2.474.433.596.250</b>